



Thứ ba, ngày 18 tháng 12 năm 2018

Vietnam Daily Review

Đà giảm điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 19/12/2018		•	
Tuần 17/12-21/12/2018		•	
Tháng 12/2018		•	

Điểm nhấn

- Chỉ số VN-Index biến động, giảm điểm ở phiên sáng, chỉ số tiếp tục giảm điểm ở phiên chiều.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm BID (+0.47 điểm); VCB (+0.33 điểm); GAS (+0.29 điểm); TCB (+0.10 điểm); TLG (+0.07 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VNM (-1.18 điểm); BVH (-0.99 điểm); HPG (-0.85 điểm); VIC (-0.49 điểm); NVL (-0.42 điểm).
- Dòng tiền tập trung vào nhóm cổ phiếu Dịch vụ và Sản xuất kinh doanh, thanh khoản tăng so với phiên trước.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 3,225.5 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 11.17 điểm. Thị trường có 84 mã tăng và 205 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 6.4 điểm, đóng cửa tại 927.25 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index giảm 0.58 điểm xuống 104.42 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 384,82 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã PNJ (228.70 tỷ), CTD (39.29 tỷ) and VIS (37.85 tỷ). Cùng lúc đó, họ đã mua ròng 1.49 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Trong phiên sáng, chỉ số VN-Index biến động và giảm mạnh với lực bán mạnh xuất hiện ở một số cổ phiếu bluechips như: VIC, VNM, VHM và GAS. Đến phiên chiều, chỉ số vẫn tiếp tục giảm điểm, tuy nhiên đã giảm đã thu hẹp với lực bán mạnh ở nhóm cổ phiếu ngân hàng: BID, VCB, TCB và MBB. Khối ngoại mua ròng và chỉ số MSCI giảm 0.8%. Theo quan điểm của BSC, thị trường giảm điểm cùng chiều thị trường khu vực do biến động phức tạp từ diễn biến thế giới vẫn cản trở dòng tiền quay lại thị trường tuy nhiên lực cầu bắt đáy vào cuối phiên chiều khiến thị trường tránh khỏi phiên giảm sâu.

Phân tích kỹ thuật:

MWG_ Tích lũy

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 927.25

Giá trị: 3225.5 tỷ -6.4 (-0.69%)

Khối ngoại (ròng): 384.82 tỷ

HNX-INDEX 104.42

Giá trị: 523.35 tỷ -0.59 (-0.56%)

Khối ngoại (ròng): 1.23 tỷ

UPCOM-INDEX 52.61

Giá trị: 251.3 tỷ -0.23 (-0.44%)

Khối ngoại (ròng): 25.29 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	48.4	-2.99%
Giá vàng	1,250	0.31%
Tỷ giá USD/VND	23,309	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	26,537	0.28%
Tỷ giá JPY/VND	20,749	0.49%
LS liên NH 1 tháng	0.0%	0.00%
LS TPCP 5 năm	4.6%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PNJ	253.5	CTG	43.3
CTD	39.3	VHC	21.9
VIS	37.5	NVL	20.3
PVD	35.7	VIC	8.1
VNM	31.4	HBC	7.6

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Câu chuyện cuối tuần	Trang 3
Danh mục khuyến nghị	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

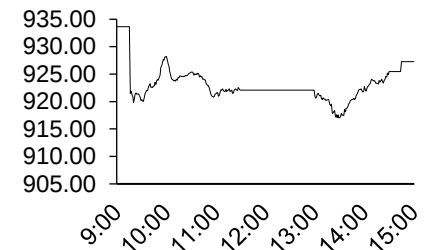
Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
MBB	8.1	21.3	20	23	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
VNM	4.7	131.7	115	137	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
CTG	4.6	21.5	21	24	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
BID	3.4	33.7	31	35	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
CTD	3.3	160.5	147	162	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
VCG	2.9	21.7	20	23	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
HDB	2.6	29.4	28	32	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
PVD	2.6	16.6	16	18	NGỪNG MUA	Tăng giá trong dài hạn
VIC	2.3	102.0	98	106	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
KBC	2.2	14.0	11	15	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

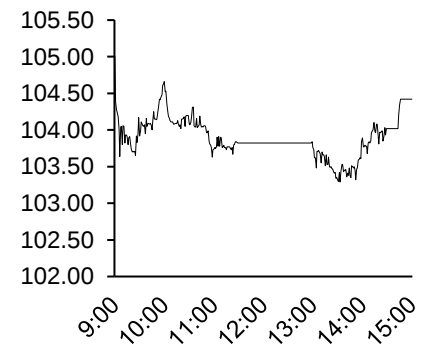
Phân tích kỹ thuật

MWG_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ ở trên đường trung tâm, MACD hướng xuống
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, chạm kênh Bollinger dưới.
- Đường MA: Đường MA20 hội tụ với MA50 và bắt đầu đi ngang, trong khi MA 50 và MA 200 đều giảm.

Nhận định: MWG đang nằm trong xu hướng tích lũy trung hạn sau khi chạm ngưỡng kháng cự 90. Thanh khoản trong các phiên gần đây tăng mạnh trở lại ở cả phiên hồi phục lẫn phiên bán cho thấy ngưỡng giá 85 là ngưỡng hỗ trợ khá mạnh cho cổ phiếu. Chỉ báo RSI đã chạm kênh Bollinger dưới báo hiệu sẽ có có thể hồi phục ngắn hạn, nhưng cổ phiếu vẫn chưa chạm vùng quá bán cho thấy đà giảm vẫn có thể sẽ tiếp tục. MACD có tín hiệu hội tụ và vận động đi ngang trong xu hướng tới cho thấy cổ phiếu sẽ đấu tranh quanh vùng giá hỗ trợ 85. Vận động 3 đường MA cũng cho lực hồi phục ngắn hạn đã suy giảm và bắt đầu đi ngang, xu hướng vận động trung và dài hạn vẫn đang trong giai đoạn điều chỉnh nhẹ. Như vậy, cổ phiếu MWG có thể sẽ vận động quanh vùng giá 85 trong thời gian tới và tích lũy trong kênh giá 80-90 trong các phiên tới.



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1812	894.6	-0.3%	21.4%
VN30F1901	890.2	-0.4%	121.9%
VN30F1903	889.0	-0.7%	1348.8%
VN30F1906	889.0	-0.7%	45.6%

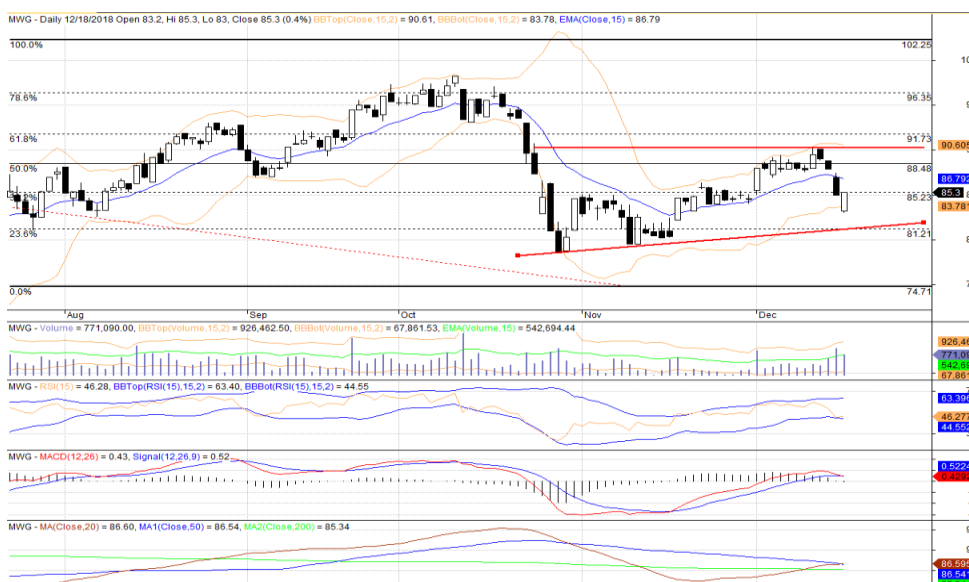
Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VCB	55	0.6	0.2
MWG	85	0.4	0.1
MBB	21	0.2	0.1
GAS	94	0.5	0.1
REE	32	0.6	0.1

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	31	-4	-2.6
VNM	132	-2	-1.6
VPB	21	-1	-0.9
PNJ	96	-4	-0.8
NVL	65	-2	-0.8



Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	REE	20/7/2018	32.70	31.85	-2.6%	30.1	37.6
2	HT1	22/8/2018	12.60	13.85	9.9%	11.6	14.5
3	PTB	10/4/2018	64.00	62.50	-2.3%	58.9	73.6
4	SSI	12/3/2018	29.65	28.20	-4.9%	27.3	34.1
5	PLX	12/3/2018	61.00	56.80	-6.9%	56.1	70.2
Trung bình					-1.4%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	29/12/2017	20.8	21.30	2.4%	19.1	25.0
2	HCM	18/09/2017	41.9	51.00	21.7%	39.8	60.0
Trung bình					12.1%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	TCB	31/10/2018	26.9	27.5	2.2%	25.0	30.0
2	POW	12/4/2018	15.6	15.0	-3.8%	14.4	18.7
Trung bình					-0.8%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	85.3	0.4%	0.7	1,596	2.8	6,481	13.2	4.5	49.0%	41.2%	
PNJ	Bán lẻ	95.8	-3.7%	1.0	696	2.3	5,428	17.6	4.6	49.0%	30.0%	
BVH	Bảo hiểm	94.0	-4.7%	1.3	2,864	0.6	1,728	54.4	4.5	24.8%	8.4%	
PVI	Bảo hiểm	32.9	2.8%	0.8	331	0.3	2,265	14.5	1.1	43.9%	7.8%	
VIC	Bất động sản	102.0	-0.5%	1.0	14,154	2.3	1,366	74.6	5.9	9.3%	10.3%	
VRE	Bất động sản	31.6	-1.3%	1.1	3,200	1.7	646	48.9	2.8	31.6%	5.7%	
NVL	Bất động sản	64.8	-2.3%	0.8	2,558	1.3	2,368	27.4	3.4	7.5%	14.2%	
REE	Bất động sản	31.9	0.6%	1.1	429	0.3	5,068	6.3	1.1	49.0%	19.1%	
DXG	Bất động sản	24.0	-2.0%	1.5	365	2.9	3,042	7.9	1.8	48.3%	25.9%	
SSI	Chứng khoán	28.2	-1.2%	1.3	612	2.4	2,899	9.7	1.5	58.5%	15.8%	
VCI	Chứng khoán	45.5	1.6%	1.0	322	0.2	4,289	10.6	2.4	41.1%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	51.0	-4.1%	1.4	287	0.6	6,094	8.4	2.2	61.8%	27.8%	
FPT	Công nghệ	42.0	-2.3%	0.9	1,120	2.1	5,322	7.9	2.2	49.0%	28.9%	
FOX	Công nghệ	50.0	0.0%	0.4	492	0.0	3,453	14.5	3.7	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	93.5	0.5%	1.5	7,781	3.3	6,473	14.4	4.2	3.4%	30.6%	
PLX	Dầu khí	56.8	-0.4%	1.5	2,862	1.9	3,285	17.3	3.4	10.9%	19.5%	
PVS	Dầu khí	19.2	-3.0%	1.7	399	4.1	1,747	11.0	0.8	20.2%	7.8%	
BSR	Dầu khí	14.5	-2.7%	0.8	1,955	1.4	#N/A	N/A	N/A	N/A	32.0%	23.0%
DHG	Dược	82.4	-1.0%	0.5	468	0.2	4,037	20.4	3.7	49.1%	18.3%	
DPM	Hóa chất	21.0	0.0%	0.9	356	0.3	1,492	14.0	1.0	21.3%	8.1%	
DCM	Hóa chất	10.1	0.0%	0.7	231	0.3	997	10.1	0.9	3.9%	8.6%	
VCB	Ngân hàng	55.1	0.5%	1.4	8,619	3.5	3,360	16.4	3.2	20.8%	20.9%	
BID	Ngân hàng	33.7	1.4%	1.7	5,002	3.4	2,401	14.0	2.3	2.9%	17.4%	
CTG	Ngân hàng	21.5	-0.9%	1.7	3,472	4.6	2,064	10.4	1.1	30.0%	11.7%	
VPB	Ngân hàng	20.7	-1.4%	1.2	2,211	4.2	2,820	7.3	1.7	23.2%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	21.3	0.2%	1.2	2,001	8.1	2,366	9.0	1.5	20.0%	17.4%	
ACB	Ngân hàng	29.6	0.0%	1.2	1,605	3.4	3,498	8.5	1.9	34.3%	25.0%	
BMP	Nhựa	55.3	-1.3%	0.9	197	0.3	5,586	9.9	1.8	76.9%	18.5%	
NTP	Nhựa	42.0	0.0%	0.4	163	0.0	3,938	10.7	1.7	23.1%	16.6%	
MSR	Tài nguyên	20.3	-2.4%	1.2	794	0.1	229	88.7	1.6	2.1%	1.8%	
HPG	Thép	31.1	-4.0%	0.9	2,872	11.1	4,334	7.2	1.7	38.9%	26.7%	
HSG	Thép	7.0	0.0%	1.5	117	0.7	1,065	6.6	0.5	16.0%	8.0%	
VNM	Tiêu dùng	131.7	-1.6%	0.7	9,972	4.7	4,997	26.4	9.0	59.3%	35.2%	
SAB	Tiêu dùng	250.4	0.0%	0.8	6,982	0.5	6,902	36.3	9.6	9.8%	28.5%	
MSN	Tiêu dùng	81.2	-1.0%	1.2	4,106	2.1	5,416	15.0	4.9	40.4%	30.9%	
SBT	Tiêu dùng	20.0	-2.4%	0.7	431	1.1	869	23.0	1.6	10.9%	11.3%	
ACV	Vận tải	82.0	-0.7%	0.8	7,762	1.0	1,883	43.5	6.5	3.6%	15.9%	
VJC	Vận tải	124.9	-1.3%	1.1	2,941	3.3	9,463	13.2	6.4	23.6%	67.1%	
HVN	Vận tải	32.9	-0.3%	1.7	1,756	0.6	1,727	19.1	2.7	9.3%	14.6%	
GMD	Vận tải	27.4	-1.8%	0.8	353	1.0	6,311	4.3	1.4	49.0%	30.8%	
PVT	Vận tải	16.0	-0.6%	0.7	195	0.3	2,165	7.4	1.2	33.5%	16.7%	
VCS	Vật liệu xây dựng	74.5	-0.8%	1.0	508	0.9	5,620	13.3	4.2	2.5%	43.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	17.1	-1.7%	1.0	333	1.8	1,179	14.5	1.2	24.2%	8.7%	
HT1	Vật liệu xây dựng	13.9	-1.4%	0.8	230	0.1	1,599	8.7	1.1	5.6%	12.2%	
CTD	Xây dựng	160.5	0.2%	0.8	546	3.3	20,202	7.9	1.6	43.8%	21.1%	
VCG	Xây dựng	21.7	1.4%	1.4	417	2.9	2,384	9.1	1.5	0.0%	17.6%	
CII	Xây dựng	26.0	-1.0%	0.6	277	1.1	332	78.2	1.3	55.5%	1.7%	
POW	Điện	15.0	1.4%	0.6	1,527	1.2	1,026	14.6	1.3	72.8%	9.1%	
NT2	Điện	25.5	-0.8%	0.6	319	0.1	2,874	8.9	2.0	21.8%	19.8%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	33.65	1.36	0.48	2.35MLN
VCB	55.10	0.55	0.34	1.46MLN
GAS	93.50	0.54	0.30	818850.00
TCB	27.50	0.36	0.11	3.57MLN
TLG	68.80	5.85	0.08	200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	131.70	-1.64	-1.19	811850.00
BVH	94.00	-4.67	-1.00	140910.00
HPG	31.10	-4.01	-0.86	8.16MLN
VIC	102.00	-0.49	-0.50	531470.00
NVL	64.80	-2.26	-0.42	445920.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ST8	19.40	6.89	0.01	1520.00
PNC	16.00	6.67	0.00	3100.00
SPM	12.85	6.20	0.00	110.00
TLG	68.80	5.85	0.08	200.00
BTT	34.00	5.75	0.01	530.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DTT	8.37	-7.00	0.00	20.00
TEG	7.44	-7.00	0.00	1000.00
CIG	3.63	-6.92	0.00	3370.00
DRL	44.20	-6.85	-0.01	2400.00
TGG	3.54	-6.84	0.00	145660.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
OCH	5.20	8.33	0.04	1000.00
SHN	9.70	2.88	0.03	12000.00
PVI	32.90	2.81	0.03	184100.00
HUT	4.30	2.38	0.02	2.38MLN
PTI	17.60	6.02	0.02	100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	19.20	-3.03	-0.15	4.96MLN
SHB	7.40	-1.33	-0.11	4.33MLN
VGC	17.10	-1.72	-0.06	2.39MLN
NVB	9.80	-2.00	-0.06	1.13MLN
LAS	10.00	-7.41	-0.03	233900.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

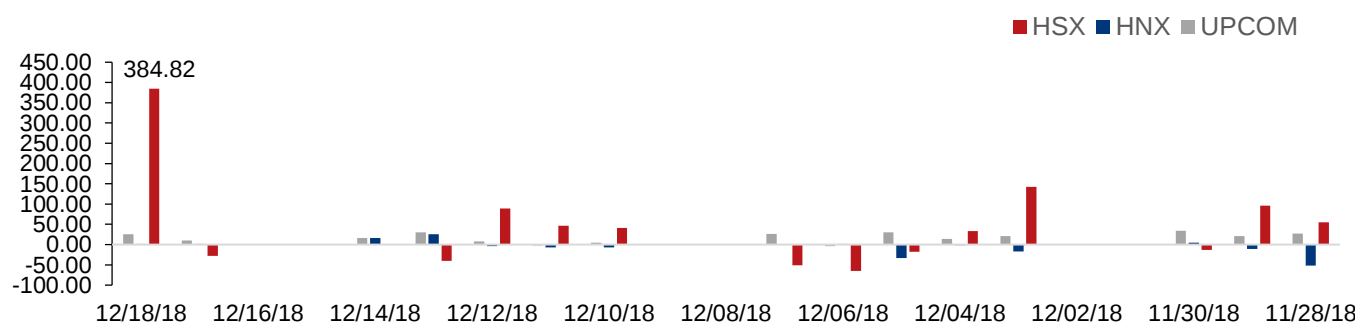
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	0.90	12.50	0.00	111600.00
PSE	7.70	10.00	0.00	500.00
RCL	24.20	10.00	0.01	100.00
CVN	12.30	9.82	0.00	15500.00
NHA	8.00	9.59	0.01	10800.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVV	0.50	-16.67	0.00	1400.00
ITQ	3.60	-10.00	-0.01	715400.00
MIM	16.30	-9.94	0.00	200.00
L62	7.30	-9.88	0.00	800.00
MAS	43.00	-9.85	-0.01	2400.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
5	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
6	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	Vĩ mô 2018M4_Câu chuyện của niềm	Phân tích vĩ mô		Click	
9	Vĩ mô 2018M3_Hành trình vượt đỉnh 11	Phân tích vĩ mô		Click	
10	Vĩ mô 2018M02_Tích lũy để tăng	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	14.6	157	92.8	1.3	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	25.5	2,874	8.9	2.0	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	13.8	1,102	12.5	1.1	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	25.0	-2,092	#N/A	2.0	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	29.6	3,498	8.5	1.9	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	43.2	5,746	7.5	1.4	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	15.1	1,087	13.8	1.3	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	16.0	2,165	7.4	1.2	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	31.1	4,334	7.2	1.7	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	24.0	3,042	7.9	1.8	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	18.1	3,200	5.7	1.2	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	29.8	5,796	5.1	1.6	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	42.0	5,322	7.9	2.2	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	55.1	3,360	16.4	3.2	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	19.2	1,747	11.0	0.8	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	21.3	2,366	9.0	1.5	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	160.5	20,202	7.9	1.6	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.2	-370	#N/A	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	84.4	18,132	4.7	1.3	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	95.8	5,428	17.6	4.6	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

